TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - V	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2020/DS-PT
Ngày: 19/5/2020
"V/v: Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - V

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
- *Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa*: ông Trần Minh Bắc
- *Các thẩm phán:* bà Vũ Thị Loan
ông Nguyễn Thành Hiếu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Phan Thị Thùy Quyên – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V tham gia phiên tòa: ông Lê Văn Thiên – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - V, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019 về: "Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, hợp đồng vay tài sản", do bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐ-PT ngày 13/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐ-PT ngày 05/3/2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử phiên tòa phúc thẩm số 20/2020/TB-TA ngày 26/3/2020, Thông báo thời gian địa điểm mở lại phiên tòa số 40/2020/TB-TA ngày 17/4/2020, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 25/2020/QĐTĐ ngày 14/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1980 + ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Ông H ủy quyền cho ông N theo Văn bản ủy quyền ngày 21/01/2019. (ông N có mặt)

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 98/8 đường B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1958. Địa chỉ: 98/15 B, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - V (theo văn bản ủy quyền ngày 11/6/2019). (có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Ngọc L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trường T - Văn phòng luật sư Đ. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị H2 - Văn phòng luật sư Nguyễn H2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-V. (có mặt)

Người kháng cáo: nguyên đơn Nguyễn Thành N, Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong các đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2018, 14/01/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Thành N trình bày:

Nguyên đơn là thuyền viên của tàu cá BV 7222TS do bà Trần Thị Cẩm T làm chủ. Trước khi đi biển, hai bên thỏa thuận chỉ đánh bắt cá trong vùng biển Việt Nam và mỗi thuyền viên được bà T ứng trước 15.000.000đ, thời gian làm việc theo từng chuyến đi biển khoảng 3 đến 3,5 tháng/chuyến. Việc trả công được tính bằng hình thức ăn chia khoản lời sau mỗi chuyến biển theo tỷ lệ chủ 6 phần, các thuyền viên và tài công 4 phần. Khoản tiền lời được xác định sau khi chủ tàu đã trừ đi tất cả các chi phí của chuyến biển đó, trường hợp lỗ thì không được chia.

Ngày 01/3/2018 nguyên đơn và một số thuyền viên khác đi biển trên tàu cá BV 7222TS do ông Phan Ngọc L làm tài công. Đến tối ngày 23/4/2018 phát hiện tàu cá đi vào vùng biển của Indonesia thì nguyên đơn phản đối gay gắt yêu cầu ông L không được xâm phạm vùng biển nước khác, vì hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, nếu bị bắt càng khó khăn hơn. Ông L trả lời nếu gia đình khó khăn sẽ gọi điện cho chủ tàu ứng thêm tiền cho gia đình. Sau đó ông L điện thoại về cho bà T và thông báo được bà T hứa sẽ ứng thêm cho mỗi người 15.000.000đ và giao số tiền này cho người nhà của các thuyền viên để được mọi người tiếp tục đi biển. Do được hứa cho ứng thêm 15.000.000đ và không còn cách nào khác nên nguyên đơn đồng ý tiếp tục đi biển. Khoảng 21 giờ cùng ngày thì tàu cá BV 7222TS bị nhà chức trách Indonesia bắt giữ cùng 21 người trên tàu, đưa về nước Indonesia giam, giữ đến ngày 28/9/2018 thì nguyên đơn được trả về nước.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đều yêu cầu bị đơn phải bồi thường cho mỗi người các khoản sau:

- Bồi thường tiền mất thu nhập trong thời gian bị giam giữ tại Indonesia từ ngày 23/4/2018 đến ngày 28/9/2018, với mức 350.000đ/ngày x 212 ngày = 74.200.000đ.

- Bồi thường tiền vé máy bay 10.000.000đ trừ 5.000.000đ ông H đã ứng trước đó.

- Trả khoản tiền đã hứa cho ứng thêm 15.000.000đ.

Tổng cộng: ông N 99.200.000đ và ông H 94.200.000đ.

Đồng thời ông N yêu cầu bị đơn trả lại cho ông Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thành N.

Không đồng ý yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn mỗi người phải trả khoản tiền đã tạm ứng trước khi đi biển là 15.000.000đ/người.

Các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao Giấy thông hành đứng tên Nguyễn Thành N và Nguyễn Văn H.

2. Theo đơn phản tố đề ngày 06/8/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian đi biển, cách tính tiền công bằng hình thức chia khoản lời của mỗi chuyến biển theo tỷ lệ chủ tàu 6 tài công và thuyền viên 4, cũng như việc thuyền viên và tàu cá bị Indonesia bắt từ ngày 23/4/2018. Trước khi tàu xuất bến bà đều yêu cầu tài công không được đánh bắt vùng biển nước ngoài. Việc ghe đi vào vùng biển cH1 lấn ranh giới giữa hai nước là do sơ suất của tài công chứ bà không chỉ đạo cho tài công đánh bắt ở vùng biển Indonesia. Quá trình tàu hoạt động ngoài biển, bà không hề hứa sẽ tạm ứng thêm tiền cho bất cứ ai như nguyên đơn trình bày, hơn nữa nếu có ứng thì sau chuyến biển cũng phải trả lại. Ông H từ Indonesia về có trình bày hoàn cảnh khó khăn nên bà đã hỗ trợ cho ông H 5.000.000 đồng tiền vé máy bay. Việc tàu bị bắt là nằm ngoài mong muốn của bà. Bà cũng đã mất hết toàn bộ tài sản và bị thua lỗ nặng trong chuyến ghe này nên không có lãi để chia cho các thuyền viên.

Bà đồng ý hỗ trợ cho ông N, ông H mỗi người 8.000.000 đồng tiền vé máy bay, trong đó ông H đã nhận 5.000.000 đồng; không đồng ý bồi thường khoản thu nhập bị mất do bị giam từ ngày 23/4/2018 đến ngày 28/9/2018, khoản hứa ứng trước mỗi người 15.000.000 đồng như bị đơn trình bày và yêu cầu; đồng thời yêu cầu ông N và ông H mỗi người trả cho bà 15.000.000 đồng tiền tạm ứng đã nhận trước khi đi biển.

Các chứng cứ, tài liệu bị đơn cung cấp: Bản photocopy sổ ký nhận tiền tạm ứng các thuyền viên Nguyễn Thành N và Nguyễn Văn H.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Ngọc L:

Ông là tài công trong chuyến biển bị Indonesia bắt ngày 23/4/2018. Vì trời tối và thiếu quan sát nên ông đã sơ suất để ghe đi vào vùng cH1 lấn ranh giới trên biển giữa hai nước chứ ông không cố ý vì nếu vi phạm thì bản thân ông cũng bị bắt phạt nặng hơn các thuyền viên còn lại. Chủ ghe chỉ đạo ông không được đánh bắt cá trên vùng biển nước ngoài, nếu để xảy ra ông sẽ phải bồi thường thiệt hại cho chủ ghe.

Nguyên đơn trình bày nhìn máy định vị phát hiện tàu đi qua địa phận Indonesia và phản đối là không đúng, vì máy định vị ở trong buồng lái không ai được phép vào và chỉ có tài công mới biết được vị trí của tàu thông qua định vị. Trong suốt hành trình đánh bắt cá cũng không có ai có ý kiến gì. Nguyên đơn trình bày đã phản đối tài công là sai sự thật.

Tàu cá của bà T cũng theo thông lệ tại địa phương là tài công và thuyền viên đi biển không tính lương tháng, mà sau mỗi chuyến biển trừ các khoản chi phí, nếu lời thì chia theo tỷ lệ chủ tàu 6 phần, tài công và thuyên viên 4 phần, nếu lỗ thì không được chia.

4. Ý kiến luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Nguyên đơn chủ động gặp bị đơn để xin được đi biển và hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Nguyên đơn cho rằng bị bắt và giam giữ tại Indonesia, nhưng quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra và tiếp cận công khai chứng cứ và yêu cầu nguyên đơn cung cấp các chứng cứ để chứng minh thời gian bị giam giữ nhưng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ có liên quan nên không có cơ sở xác định thời gian bị giam. Theo thông lệ, nhiều thuyền viên cũng bị nước ngoài bắt giữ nhưng không ai khởi kiện như nguyên đơn, bởi bị đơn là người tạo việc làm cho thuyền viên, cũng bị thiệt hại nặng, mất hết tài sản. Mức lương 350.000 đồng/ngày nguyên đơn nêu làm căn cứ tính bồi thường thu nhập bị mất là không có cơ sở, vì không cung cấp được chứng cứ về thu nhập của nguyên đơn. Nguyên đơn chỉ là lao động phổ thông, không có chuyên môn nên mức lương 350.000 đồng/ngày là quá cao, không thể chấp nhận. Nghị định số 141/2017/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng ở tỉnh Bà Rịa-V cũng chỉ khoảng hơn 3 triệu đồng/tháng. Bị đơn không hứa tạm ứng thêm cho ai trong chuyến biển này, đồng thời việc tạm ứng trước thì sau chuyến biển cũng phải trả lại cho chủ tàu. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn về khoản tiền hứa tạm ứng thêm là hoàn toàn vô lý, không có cơ sở chấp nhận. Bị đơn đồng ý hỗ trợ vé máy bay cho mỗi nguyên đơn 8.000.000 đồng, trong đó ông H đã nhận 5.000.000 đồng.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Do trước khi đi biển, nguyên đơn đã tạm ứng trước của bị đơn mỗi người 15.000.000đ, do đây là tiền tạm ứng nên các thuyền viên đều phải trả lại cho chủ tàu sau mỗi chuyến tàu. Do đó, bị đơn yêu cầu nguyên đơn mỗi người phải trả lại cho bị đơn số tiền đã ứng là 15.000.000đ là có căn cứ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 05/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố V chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T bồi thường thiệt hại mất thu nhập do bị giam giữ từ ngày 23/4/2018 đến ngày 28/9/2018 (159 ngày) và tiền vé máy bay cho ông N 42.922.308 đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn ba trăm lẻ tám đồng) và cho ông H 37.922.308 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi hai nghìn ba trăm lẻ tám đồng); chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông N và ông H mỗi người phải trả cho bà T 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) đã tạm ứng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, lãi suất do chậm thi hành án theo luật định.

Ngày 15/11/2019, các nguyên đơn Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, vì cho rằng phán quyết của cấp sơ thẩm chưa khách quan, quyết định mức bồi thường thiệt hại thấp, gây thiệt hại cho các ông; đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn rút phần yêu cầu bị đơn giao trả Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thành N và thay đổi nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo như sau: yêu cầu bị đơn bồi thường cho ông N 80.000.000 đồng, cho ông H 75.000.000 đồng; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu

chứng cứ nào khác liên quan, và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và những người tham gia tố tụng đã công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Các nguyên đơn bị nhà chức trách Indonesia bắt giữ cùng 21 thuyền viên, giam giữ đến ngày 28/9/2018 thì được trả về nước do tàu đánh cá trên vùng biển Indonesia. Bà T không yêu cầu tài công và các thuyền viên đánh bắt cá trên vùng biển Indonesia, nên không có lỗi phải bồi thường cho các nguyên đơn. Các nguyên đơn thừa nhận có nhận 15.000.000 đồng/người do bà T tạm ứng trước khi đi biển; không chứng minh được bà T hứa sẽ ứng thêm cho mỗi người 15.000.000 đồng; yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng vé máy bay/người, nhưng chỉ cung cấp được biên lai nộp tiền 8.000.000 đồng. Quyết định của cấp sơ thẩm là có cơ sở, đúng theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu sửa án sơ thẩm không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung quyết định như án sơ thẩm đã tuyên.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo, việc thay đổi nội dung khởi kiện, nội dung kháng cáo của các nguyên đơn **Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành N** đúng theo quy định pháp luật và trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:*

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành N khởi kiện bị đơn Trần Thị Cẩm T (thường trú tại Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa –V) bồi thường tiền mất thu nhập trong thời gian bị giam giữ tại Indonesia, trả lại Giấy chứng minh nhân dân; và bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn trả tiền đã tạm ứng trước khi đi biển. Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết vụ án "Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng và Hợp đồng vay tài sản (tiền)" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các nguyên đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – V.

[1.2.] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa phúc thẩm, nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định tiếp tục phiên tòa, xét xử vắng mặt đương sự này.

[2.] *Về nội dung*:

Ông H, ông N khởi kiện yêu cầu bà T bồi thường các khoản thu nhập bị mất trong thời gian bị giam giữ tại Indonesia từ ngày 23/4/2018 đến ngày 28/9/2018, tiền vé máy bay, khoản tiền hứa ứng thêm, tổng cộng: ông N 99.200.000 đồng, ông H 94.200.000 đồng; đồng thời ông N yêu cầu bà T trả lại Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thành N. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N rút phần yêu cầu trả lại Giấy chứng minh nhân dân, các nguyên đơn thay đổi mức tiền yêu cầu bà T bồi thường, cụ thể ông N 80.000.000 đồng, ông H 75.000.000 đồng.

Bà T phản tố đề nghị mỗi nguyên đơn trả lại 15.000.000 đồng đã ứng trước khi đi biển.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà T thanh toán cho ông N 42.922.308 đồng, ông H 37.922.308 đồng; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông N và ông H mỗi người phải trả cho bà T 15.000.000 đồng đã tạm ứng. Các nguyên đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông.

[3.] *Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn H, Nguyễn Thành N:*

[3.1.] Quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn trong vụ án là hợp đồng hợp tác đánh bắt cá trên biển. Theo đó, bị đơn góp tàu và các phương tiện phục vụ việc đánh bắt cá trên biển, nguyên đơn góp công trực tiếp đánh bắt cá, lợi nhuận thu được sau khi trừ các chi phí phục vụ cho việc đánh bắt, được phân chia theo tỉ lệ: bị đơn 60%, nguyên đơn và tài công 40%. Các bên thỏa thuận chỉ đánh bắt cá trên vùng biển Việt Nam. Bị đơn giao tàu cho tài công và các thuyền viên, trong đó có nguyên đơn trực tiếp vận hành trong quá trình đánh bắt cá trên biển.

[3.2.] Tàu cá đi vào vùng biển Indonesia khiến tàu bị thu giữ, nguyên đơn và các thuyền viên khác bị phía Indonesia bắt, giam giữ. Trong vụ việc, cả hai bên đều bị thiệt hại. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn bồi thường các khoản thiệt hại gồm thu nhập bị mất trong thời gian bị giam giữ tại Indonesia từ ngày 23/4/2018 đến ngày 28/9/2018, tiền vé máy bay, khoản tiền hứa ứng thêm, nhưng không chứng minh được lỗi của bị đơn trong việc để tàu đánh cá đi vào vùng biển Indonesia. Việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm bồi thường là không có căn cứ. Bị đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn trả lại khoản tiền tạm ứng đã nhận trước khi đi chuyến biển có sự cố ngoài mong muốn xảy ra.

[3.3.] Tòa án cấp sơ thẩm qua phân tích nội dung, diễn biến vụ án, căn cứ mức lương trung bình của người làm công hưởng lương do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội công bố tại thời điểm quí II và III năm 2018 mức lương tương ứng là 5.620.000 đồng/tháng và 5.780.000 đồng/tháng làm cơ sở giải quyết, cao hơn mức

lương tối thiểu vùng I áp dụng cho thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V (các bên nơi giao kết và thực thực hiện hợp đồng) tại thời điểm tương ứng là 3.980.000 đồng/tháng (Quy định tại Nghị định 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ) và tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 05/11/2019 là 4.180.000 đồng/tháng (Quy định tại Nghị định 157/2018/NĐ-CP ngày 18/11/2018 của Chính phủ), cũng như thời điểm hiện nay năm 2020 là 4.420.000 đồng/tháng (Quy định tại Nghị định 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ), chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T thanh toán cho ông N 42.922.308 đồng, ông H 37.922.308 đồng; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc ông N và ông H mỗi người phải trả cho bà T 15.000.000 đồng đã tạm ứng, là có lợi cho phía nguyên đơn. Bị đơn không kháng cáo; nguyên đơn kháng cáo, thay đổi yêu cầu kháng cáo, thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu khởi kiện.

[3.4.] Quyết định của cấp sơ thẩm đối với các yêu cầu còn lại của nguyên đơn, như phân tích ở trên là có lợi cho phía nguyên đơn. Nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh được lỗi của bị đơn trong việc để xảy ra sự cố tàu cá đi vào vùng biển Indonesia, lỗi trong việc để xảy ra các thiệt hại cho phía nguyên đơn như yêu cầu. Vì vậy không có căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của phía nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên nội dung quyết định của bản án sơ thẩm, đồng thời đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trả lại Giấy chứng minh nhân dân do ông N đã rút yêu cầu này tại phiên tòa phúc thẩm.

[3.5.] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4.] *Về án phí*: các nguyên đơn kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 244, Điều 284, Điều 298, khoản 2 Điều 219, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thành N về việc đòi bị đơn Trần Thị Cẩm T trả lại Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thành N.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các nguyên đơn Nguyễn Thành N, Nguyễn Văn H, giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 75/2019/DS-ST ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – V.

Căn cứ các khoản 3, 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 38, các Điều 270, 271, 273, 293, 147, 148, 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 466 và 600 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 13, 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án

phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Trần Thị Cẩm T bồi thường cho ông Nguyễn Thành N 42.922.308 đồng (Bốn mươi hai triệu chín trăm hai mươi hai nghìn ba trăm lẻ tám đồng), cho ông Nguyễn Văn H 37.922.308 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm hai mươi hai nghìn ba trăm lẻ tám đồng) thu nhập bị mất trong thời gian 159 ngày bị giam giữ tại Indonesia (từ ngày 23/4/2018 đến ngày 28/9/2018).

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn; buộc các ông Nguyễn Thành N, Nguyễn Văn H mỗi người trả lại cho bà Trần Thị Cẩm T 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) tiền tạm ứng đã nhận.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. *Án phí dân sự sơ thẩm*:

Bà Trần Thị Cẩm T nộp 4.042.231 đồng (Bốn triệu không trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào 750.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo các Biên lai thu số 0001123, 0001124 cùng ngày 05/8/2019. Như vậy, bà T phải nộp tiếp 3.292.231 đồng (Ba triệu hai trăm chín mươi hai nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng).

Ông Nguyễn Thành N và ông Nguyễn Văn H mỗi người nộp 1.781.942 đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào tạm ứng án phí sơ thẩm ông N đã nộp 1.052.000 đồng, ông H đã nộp 990.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo các Biên lai thu số 0006990, 0006989 cùng ngày 10/5/2019. Như vậy, ông N phải nộp tiếp 729.942 đồng (Bảy trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng) và ông H phải nộp tiếp 791.942 đồng (Bảy trăm chín mươi mốt nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng).

3. *Án phí dân sự phúc thẩm*:

Ông Nguyễn Thành N và ông Nguyễn Văn H mỗi người nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm các ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo các biên lai thu số 0002916, 0002917 cùng ngày 15/11/2019, nên đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/5/2020).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Bắc

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – V;
- Tòa án nhân dân thành phố V;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố V;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (3): NV, Tòa Dân sự, hồ sơ.